

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP
GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG DƯỚI
ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA 2020

Mã số : B2016-DNA-02-TT

Chủ nhiệm đề tài: TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha

Đà Nẵng, 2020

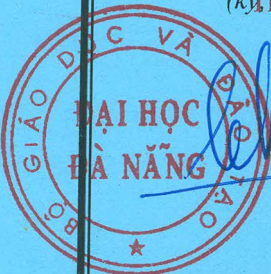
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP
GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG DƯỚI
ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA 2020

Mã số : B2016-DNA-02-TT

Xác nhận của cơ quan chủ trì đề tài Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ tên, đóng dấu) (ký, họ tên)



Đà Nẵng, 2020
PGS. TS. Nguyễn Lê Hùng

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	2
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU.....	4
CHƯƠNG 1.....	5
TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	5
1.1 Cơ sở pháp lý.....	5
1.2. Cơ sở lí thuyết	5
1.2.1 Đánh giá chương trình.....	5
1.2.3.Tổng quan mô hình đánh giá sáu cấp độ của Kreber và Brook (2001)	6
1.2.4. Xây dựng chương trình	7
1.3.Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 (ĐANNQG)	7
1.3.1. Bối cảnh.....	7
1.3.2. Cơ sở pháp lý của Đề án.....	8
1.4. Phương pháp nghiên cứu.....	8
1.5. Phương pháp thu thập dữ liệu.....	8
1.6. Phương pháp tổng hợp tài liệu.....	9
1.7. Đối tượng tham gia nghiên cứu	9
CHƯƠNG 2.....	10
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	10
2.1 Thực trạng chung về xây dựng nguồn lực cho triển khai các chương trình tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHĐN	10
2.1.1. Tổ chức rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên chuyên ngữ và giảng viên chuyên ngành có khả năng giảng dạy bằng ngoại ngữ	11
2.1.2. Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, tổ chức xây dựng và triển khai chương trình dạy Tiếng Anh tăng cường để đảm bảo mục tiêu Đề án.....	11
2.2. Thực trạng việc triển khai giảng dạy tiếng Anh tại các CSGD thành viên ĐHĐN.....	12

2.3. Thực trạng tình hình giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHĐN.....	15
CHƯƠNG 3.....	20
ĐỀ XUẤT HƯỚNG ĐI CHO CÔNG TÁC TRIỂN KHAI GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC	20
ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	20
3.1. Các điểm mạnh của Chương trình tiếng Anh triển khai tại các cơ sở giáo dục thành viên Đại học Đà Nẵng	22
3.2. Đề xuất hướng đi và mô hình	20
3.2.1. Cơ sở pháp lý.....	20
3.2.3. Các đề xuất chuyên môn	21
KẾT LUẬN	22

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Hình 1	Đánh giá chương trình phát triển chuyên môn ở ba cấp độ
Hình 2	Mô hình đánh giá năm cấp độ của Guskey (2000)
Hình 3	Câu hỏi của Mô hình đánh giá năm cấp độ Guskey (Guskey, 2000)
Hình 4	Mô hình đánh giá sáu cấp độ của Kreber và Brook (2001)
Hình 5	Mô hình các thành tố của quá trình xây dựng chương trình
Hình 6	Sơ đồ tóm tắt 6 giải pháp thực hiện ĐA NNQG 2020
Hình 7	Tóm tắt ba giai đoạn tổ chức thực hiện ĐA NNQG 2020
Hình 8	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
Hình 9	Khung năng lực ngoại ngữ (ĐANNQG 2020, trang 26)
:	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

WTO	Tổ chức thương mại thế giới
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
ĐA NNQG 2020	Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020
HSSV	Học sinh sinh viên
PTCM-NV	Phát triển chuyên môn nghiệp
CEFR	Khung tham chiếu Châu Âu
KNLNN	Khung năng lực ngoại ngữ
GVTA	Giáo viên Tiếng Anh
ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
KSNL	Khảo sát năng lực
CSGD	Cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng
ĐHTVĐHĐN	
CTĐT	Chương trình đào tạo
CNTT	Công nghệ thông tin
CTTACL	Chương trình Tiếng Anh chất lượng cao

MỞ ĐẦU

Ngày 30 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1400/QĐ –TTg phê duyệt Đề án “***Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020***” và được nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân nhấn mạnh: “*đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân...*”

Đề án được chia thành ba giai đoạn. *Giai đoạn 1 (2008 – 2010)* – *Giai đoạn khởi động* là giai đoạn chuẩn bị để triển khai đại trà các chương trình ngoại ngữ mới ở các cấp học phổ thông; *Giai đoạn 2 (2011 – 2015)* – *Giai đoạn triển khai ban đầu* là giai đoạn triển khai đại trà chương trình ngoại ngữ 10 năm ở phổ thông và chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với các Bậc, Trình độ đào tạo; *Giai đoạn 3 (2016 – 2020)* – *Giai đoạn triển khai tiếp theo* là giai đoạn sẽ triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm trên quy mô cả nước và triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với tất cả các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Hiện nay, ĐA NNQG 2020 đã hoàn tất giai đoạn 2 (2010-2015). Trải qua hơn nửa chặng đường, thiết nghĩ đánh giá tác động của ĐA NNQG 2020 đến phát triển chuyên môn nghiệp vụ (CMNV) của giáo viên, một trong những đối tượng thụ hưởng chính mà ĐA hướng đến, là điều vô cùng cần thiết bởi kết quả sẽ cho những bên liên quan thấy được sau hai giai đoạn thực hiện ĐA NNQG 2020 đã đạt được những gì, còn khó khăn vướng mắc nào cần giải quyết và các giải pháp được đề ra như thế nào. Ngoài ra việc đánh giá sau mỗi giai đoạn cũng góp phần định hướng để giai đoạn cuối của ĐA NNQG 2020 được thực hiện có hiệu quả hơn.

Việc rà soát và đánh giá thực trạng giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng là vô cùng cần thiết bởi tính cấp bách của việc nâng cao năng lực tiếng Anh thật sự cho sinh viên trong nhà trường, trang bị hành trang vững chãi cho sinh viên khi tốt nghiệp, có khả năng cạnh tranh lành mạnh với nguồn nhân lực lao động ở thị trường khu vực. Với mục tiêu đó, việc rà soát thực trạng giảng dạy tiếng Anh hiện nay tại các cơ sở giáo dục Đại học của Đại học Đà Nẵng là điều quan trọng cần phải triển khai, từ đó đưa ra các đề xuất cho các giải pháp thích hợp.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Cơ sở pháp lý

Việc nâng cao năng lực ngôn ngữ cho toàn xã hội được thể hiện ở các căn cứ pháp lý như sau:

- Thứ nhất, Nghị quyết số 40/2000/QH10 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Thứ hai, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội đã thông qua Luật giáo dục (sửa đổi) trong đó quy định tại Điều 7, mục 3 như sau: “Ngoại ngữ được quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dịch quốc tế. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác cần bảo đảm để người học được học liên tục và có hiệu quả”.

- Thứ ba, Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả của việc dạy và sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân” của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT ngày 15 tháng 4 năm 2007 được xem là một trong những bước ngoặt trong quá trình nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.

- Thứ tư Quyết định 2080/QĐTtg ngày 22/12/2017 về việc điều chỉnh Đề án dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2015

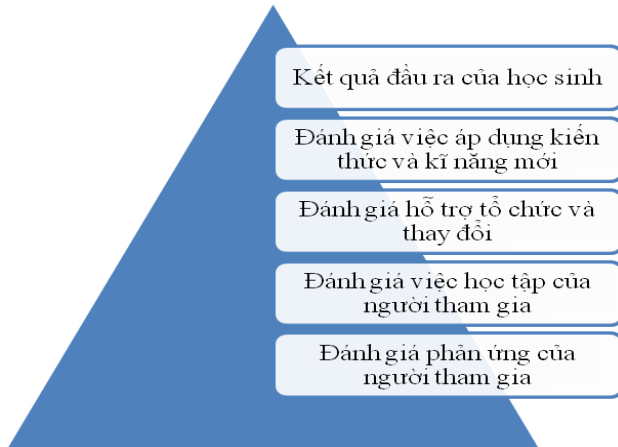
1.2. Cơ sở lý thuyết

1.2.1 Đánh giá chương trình

Những điều chỉnh của chương trình giáo dục thường mang tính hệ thống, có tác động một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, dẫn đến những thay đổi tích cực hoặc tiêu cực ở các mức độ khác nhau lên các nhóm đối tượng khác nhau. Trong mô hình nghiên cứu của mình, nhóm các nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học Nottingham, Warwick và Newcastle đã đưa ra mô hình nghiên cứu đánh giá hướng đến ba đối tượng chính, bao gồm nhà trường, học sinh, và giáo viên. Mô hình này chú trọng phân tích mức độ thỏa mãn của các chương trình giáo dục đối với nhu cầu của ba nhóm đối tượng: nhà trường, giáo viên và học sinh.

1.2.2. Tổng quan mô hình đánh giá năm cấp độ Guskey (2000)

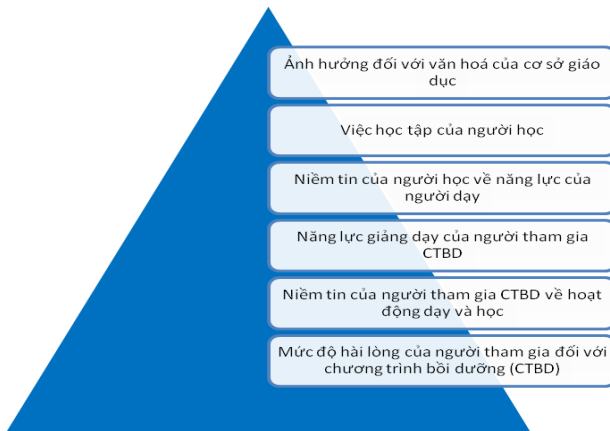
Guskey (2000) đã giới thiệu mô hình đánh giá chương trình PTCM-NV năm cấp độ từ thấp nhất đến cao nhất (**Hình 2**):



Hình 2: Mô hình đánh giá năm cấp độ của Guskey (2000)

1.2.3. Tổng quan mô hình đánh giá sáu cấp độ của Kreber và Brook (2001)

Trên nguyên tắc chú trọng hơn vào những tác động của chương trình bồi dưỡng, PTCM-NV đối với văn hoá của cơ sở giáo dục, Kreber và Brook (2001) giới thiệu mô hình đánh giá tác động trên sáu cấp độ, từ thấp nhất đến cao nhất (**Hình 4**):



Hình 4: Mô hình đánh giá sáu cấp độ của Kreber và Brook (2001)

1.2.4. Xây dựng chương trình

Lí thuyết về xây dựng chương trình trong dạy ngôn ngữ bắt đầu xuất hiện từ những năm 1960, khởi nguồn từ việc xây dựng các chương trình giảng dạy cụ thể. Xây dựng chương trình là một quá trình tổng thể giúp xác định nhu cầu của người học, xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình, xác định nội dung, cấu trúc của chương trình, định hướng phương pháp dạy học, tài liệu dạy học, cách thức tiến hành đánh giá chương trình (Richards, 2001. 2013).

Theo quan điểm của Nation và Macalister (2010) xây dựng chương trình được coi là một quá trình có bốn thành tố, gồm một vòng tròn chính tâm và ba vòng tròn xung quanh. Quan điểm xây dựng chương trình còn có thể được tham khảo các tác giả như Graves (2000), Murdoch (1989) ...

1.3. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 (ĐANNQG)

1.3.1. Bối cảnh

ĐANNQG 2020 ra đời đáp ứng yêu cầu xã hội ở giai đoạn hội nhập và phát triển. Đề án không chỉ hướng đến sự phát triển một chiều mà còn yêu cầu phải nhìn lại một chặng đường phát triển ngoại ngữ chưa được đánh giá khách quan, nhất là đối với đội ngũ giáo viên ngoại ngữ. Có thể tóm tắt bối cảnh ra đời của ĐANNQG 2020 như sau:

- *Về mặt xã hội- kinh tế:* Ngoại ngữ không chỉ là công cụ, mà ngoại ngữ còn là một trong những yếu tố tham gia phát triển nguồn nhân lực mới, nhất là nguồn nhân lực tương lai còn đang ở ghế nhà trường phổ thông; hội nhập là một quá trình cần phải chuẩn bị thấu đáo, trong đó có ngoại ngữ. Giáo dục ngôn ngữ, trong đó có giáo dục ngoại ngữ tốt nhất là bắt đầu ở độ tuổi giáo dục phổ thông, nhất là tiểu học.

- *Về giáo dục đào tạo:* Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam là một chiến lược, một quốc sách cực kỳ trọng đại, việc dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường cũng như ngoài xã hội là một vấn đề nóng bỏng. Ai cũng thấy rằng giáo dục ngoại ngữ ở phổ thông yếu kém trầm trọng, biểu hiện ở đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo, phương pháp dạy và học... ĐANNQG 2020 ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu mới của đất nước.

1.3.2. Cơ sở pháp lý của Đề án

Ngày 30 tháng 9 năm 2008, thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân, đã ký Quyết định số 1400/QĐ-TTg mang tên **Quyết Định về việc phê duyệt ĐA NNQG 2020 “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”**.

1.3.2.1. Mục tiêu của ĐA NNQG 2020

Mục tiêu chung

Mục tiêu chiến lược của ĐA là đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, bằng cách triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo. Sự đổi mới này hướng đến mục tiêu năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên, và đến năm 2020, đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp phổ thông trung học, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong một trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích định lượng và định tính
- Phương pháp nghiên cứu thử nghiệm

1.5. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các nguồn chính sau đây:

Những văn bản hiện hành liên quan đến văn bản pháp quy, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn, báo cáo thực hiện liên quan đến việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức các hoạt động của ĐA NNQG 2020, tổ chức dạy và học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ

Nghiên cứu trước đây liên quan đến mô hình đánh giá chương trình tiếng Anh, các báo cáo thực trạng chuyên đề

Phiếu khảo sát cho các sinh viên, GVTA tham gia vào quá trình dạy và học. Những câu hỏi của phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên Mô hình đánh giá PTCM được đề xuất bởi Guskey (2000), mô hình đánh giá của Kreber và Brook (2001) và các văn bản pháp quy liên

quan đến việc chỉ đạo, triển khai và tổ chức hoạt động của ĐA NNQG 2020.

1.6. Phương pháp tổng hợp tài liệu

Thông qua nghiên cứu tổng quan các tài liệu học thuật, tiếp nhận các kết quả nghiên cứu đã được công nhận rộng rãi trước đây về chương trình giáo dục, về các mô hình và chỉ số đánh giá tác động, để từ đó làm cơ sở lý thuyết nền tảng cho những tìm tòi và phát hiện mới cũng như để hoạt động đánh giá có thể đi đúng hướng và đạt yêu cầu, giúp rút ngắn thời gian và giảm bớt chi phí thực hiện nghiên cứu.

1.7. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là việc triển khai chương trình đào tạo tiếng Anh không chuyên tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN. Việc triển khai này bao gồm chương trình, giáo trình, công tác quản lý, kiểm tra đánh giá, giáo viên, quản lý, chính sách. Các đối tượng này được nghiên cứu thông qua việc phân tích và tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan là sinh viên và giảng viên.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

2.1 Thực trạng chung về xây dựng nguồn lực cho triển khai các chương trình tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHĐN

Với vai trò là một cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Ngoại ngữ được giao nhiệm vụ giảng dạy các học phần tiếng Anh cho sinh viên các trường thành viên Đại học Đà Nẵng. Trong những năm vừa qua, Trường Đại học Ngoại ngữ đã có nhiều định hướng mạnh mẽ trong nghiên cứu xây dựng chương trình và tổ chức việc dạy và học tiếng Anh cho sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Bộ giáo dục và đào tạo. Việc áp dụng các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học là một trong những yêu cầu cần thiết và quan trọng cho việc đảm bảo sinh viên có đầy đủ năng lực tốt nghiệp ra trường và đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

Triển khai công văn 7274/BGDĐT-GDDH ngày 31/10/201, Trường Đại học Ngoại ngữ đã áp dụng chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2 cho sinh viên đang học tại trường tốt nghiệp vào năm 2012, đồng thời triển khai việc đánh giá chuẩn đầu ra cho sinh viên không chuyên ngữ các trường thành viên Đại học Đà Nẵng. Việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp đạt được những kết quả nhất định, nhất là trong việc nâng cao nhận thức và động cơ, quyết tâm học tập, nâng cao năng lực ngoại ngữ trong sinh viên. Cho đến nay, việc áp dụng chuẩn năng lực ngoại ngữ là một trong những điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp tạo được kết quả tốt trong việc nâng cao trình độ ngoại ngữ đại trà trong sinh viên.

Sau khi thông tư 01/2014 của Bộ giáo dục và đào tạo ra đời về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, và quyết định số 729/QĐ – BGDĐT ngày 11/3/2015 về ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 đến bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam, trường Đại học Ngoại ngữ công bố áp dụng công bố định dạng chuẩn đầu ra thông qua Quyết định số 835 ĐHNN/QĐ-ĐT ngày 19/10/2015. Nhằm triển khai quyết định

này, Trường Đại học Ngoại ngữ ban hành công văn số 979/CV-ĐHNN ngày 22/7/2015 về việc áp dụng chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ chuyên môn và ngoại ngữ 2 cho các ngành, hệ chính quy, công văn số 1460/ĐHNN-Đt ngày 19/10/2015 về kế hoạch triển khai lộ trình áp dụng định dạng đề thi KSNL từ bậc 3 đến bậc 5 tại Trường Đại học Ngoại ngữ ĐHQĐHN.

2.1.1. Tổ chức rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên chuyên ngữ và giảng viên chuyên ngành có khả năng giảng dạy bằng ngoại ngữ

Trường Đại học ngoại ngữ có số lượng và trình độ giảng viên dạy ngoại ngữ và giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài (phụ lục kèm theo) như sau:

155 (GV tiếng Anh có chứng chỉ C1 trở lên: 125; GV tiếng Pháp: 01 có chứng chỉ B2, 01 có chứng chỉ B1; GV tiếng Nga 01 có chứng chỉ B2, 04 có chứng chỉ B1; GV tiếng Trung: 02 có chứng chỉ trên C1; GV tiếng Nhật: 02 có chứng chỉ trên C1, 01 có chứng chỉ B1; GV tiếng Hàn: 02 có chứng chỉ trên C1; GV Quốc tế học: 10 có chứng chỉ C1 trở lên, 06 có chứng chỉ B1).

2.1.2. Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, tổ chức xây dựng và triển khai chương trình dạy Tiếng Anh tăng cường để đảm bảo mục tiêu Đề án

Triển khai nhiệm vụ và mục tiêu của Đề án NNQG 2020 về nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ ra trường đạt bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc Việt Nam, từ năm 2012 Trường ĐHQĐHN đã thành lập một nhóm giáo viên chuyên gia (task force) và trình Ban quản lý Đề án duyệt cho phép nhóm nghiên cứu xây dựng và đề xuất một chương trình tiếng Anh tăng cường cho sinh viên không chuyên ngữ thí điểm tại ĐHQĐHN có ứng dụng công nghệ thông tin.

Sau khi chương trình này được Hội đồng nghiệm thu, Trường ĐHQĐHN đã đưa chương trình, giáo trình mới vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHQĐHN từ năm 2013. Cho đến nay, chương trình này vẫn đang được sử dụng cho sinh viên hệ đại trà. Ưu điểm của chương trình này là sự tiếp nối nhịp nhàng giữa chương trình chính khóa 7 tín chỉ thuộc CT Đào tạo và khối lượng học phần tăng cường

sau chính khóa. Giáo trình mới được lựa chọn có tính cân nhắc về đường hướng giảng dạy và chuẩn đầu ra,

Đánh giá sơ bộ: Việc triển khai cơ bản là hiệu quả, tuy nhiên, Bộ giáo dục và ĐT chưa có lối đi chung cho việc triển khai tiếng Anh tăng cường. Việc tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường hiện nay còn chưa bắt buộc, tùy thuộc vào nguyện vọng cá nhân từng em. Nhiều em mặc dù năng lực còn yếu nhưng ý thức chưa cao nên dẫn đến không thể tốt nghiệp do thiếu chuẩn đầu ra ngoại ngữ. Hiện nay cần có các hướng dẫn cụ thể về mức thu cũng như sự định hướng mạnh mẽ hơn để SV tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường.

2.1.3. Thực trạng về xây dựng nguồn lực, công cụ đào tạo bồi dưỡng cho giảng viên:

Nhà trường được Bộ giáo dục và Đào tạo giao lựa chọn các nhân tố tích cực tham gia vào chuyên gia thúc đẩy ứng dụng CNTT trong giảng dạy, đứng đầu là PGS TS Nguyễn Văn Long cùng các giảng viên khác. Qua đó nhà trường đã tạo ra các sản phẩm và công cụ đào tạo cho giảng viên các bậc học trên toàn quốc như sau:

- Xây dựng khung năng lực CNTT cho GV tiếng Anh
- Hội thảo quốc tế Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ
- Xây dựng Chương trình, Tài liệu bồi dưỡng Ứng dụng CNTT cho giảng viên cốt cán toàn quốc
- Tổ chức các đợt bồi dưỡng GV cốt cán về ứng dụng CNTT cho toàn quốc
- Ứng dụng CNTT tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực trực tuyến cho GV THCS và THPT, xây dựng trang hỗ trợ thi trực tuyến

2.2. Thực trạng việc triển khai giảng dạy tiếng Anh tại các CSGD thành viên ĐHQĐN

Căn cứ báo cáo của Khoa tiếng Anh chuyên ngành, Trường Đại học Ngoại ngữ, chương trình tiếng anh dành cho sinh viên không chuyên ngữ các trường thành viên Đại học Đà Nẵng được xây dựng bài bản với các mục tiêu, yêu cầu năng lực đầu ra và phương thức triển khai chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu chuyên môn cũng như yêu cầu của Bộ giáo dục và đào tạo.

2.2.4. Danh mục các chương trình đang áp dụng:

2.2.4.1. Chương trình Tiếng Anh đại trà

a. Các học phần dành cho bậc đại học năm học 2015-2016 và 2016-2017

STT	Tên các học phần	Mã học phần	SL tín chỉ	Giáo trình	Áp dụng tại	Ghi chú
1	Anh văn dự bị	AV A1	5	Solutions Elementary (Unit 1-5)	ĐHBK, ĐHKT, ĐHSP,	HP không bắt buộc
2	Anh văn A2.1	AV A2.1	3	Solutions Elementary (Unit 6-8)	Khoa Y Dược (hệ Đại học)	HP bắt buộc
3	Anh văn A2.2	AV A2.2	4	Solutions Elementary (Unit 6-8)		HP bắt buộc

b. Các học phần dành cho bậc đại học năm học 2017-2018

Giống với năm học 2015-2016, tuy nhiên riêng trường ĐHKinh tế đã áp dụng chương trình đào tạo ngoại ngữ mới với thời lượng 20 tín chỉ cho toàn bộ sinh viên khóa tuyển sinh 2017 (Nội dung chương trình học tương tự như chương trình tiếng Anh CLC đang triển khai tại trường ĐHKinh tế từ năm học 2015-2016)

c. Các học phần dành cho bậc Cao đẳng và Trung cấp (từ năm học 2015-2016 đến nay)

STT	Tên các học phần	Mã học phần	SL tín chỉ	Giáo trình	Áp dụng tại	Ghi chú
1	Ngoại ngữ 1, 2 3	NNDC 1,2,3	7	Solutions Elementary	CĐCN (bậc cao)	Từ năm 2015-2016 về

					đẳng)	trước là 6 tín chỉ
2	Anh văn 1,2,3	AV1,2,3	9	New Cutting Edge (Starter, Elementary)	CĐCN (bậc trung cấp)	HP bắt buộc
3	Anh văn 1,2,3	AV 1,2,3	7	New Interchange1,2	Khoa Y Dược (bậc trung cấp)	Khoa Y Dược tự soạn chương trình và mời GV dạy từ học kì 2 năm học 2015-2016 đến nay

2.2.4.2. Chương trình Tiếng Anh chất lượng cao (TA CLC), Tiếng Anh tăng cường (từ năm học 2015-2016 đến nay)

a. Chương trình Tiếng Anh Chất Lượng cao

STT	Tên các học phần	SL các HP	SL tín chỉ	Giáo trình	Áp dụng tại	Ghi chú
1	IELTS (level: Pre-IELTS – IELTS Upper Intermediate	12	30	Các giáo trình IELTS	ĐHKT	HP IELTS Upper Intermediate (5tc) là không bắt buộc
2	Tiếng Anh CLC 1-10	10	25	Bộ giáo trình Life và các giáo trình	ĐHBK	Dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến

					thuộc khung chương trình VSTEP		
3	Tiếng Anh CLC Việt Pháp	4 - 8	20- 32	Bộ giáo trình Solutions theo Khung NLNN 6 bậc Châu Âu	ĐHBK	Thời lượng học TA của SV thuộc chuyên ngành khác nhau thì không giống nhau	

b. Chương trình Tiếng Anh tăng cường

STT	Tên các học phần	Mã HP	SL tín chỉ	Giáo trình	Áp dụng tại	Ghi chú
1	Anh văn B1.1	AV B1.1	3	Solutions- Pre intermediate	Khoa Y Dược, Trường ĐHSP	
2	Anh văn B1.2	AV B1.2	3	Solutions- Pre intermediate		

2.3. Thực trạng tình hình giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHDN.

2.3.1. Thực trạng tình hình giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHDN dưới góc nhìn của sinh viên

Nhằm nắm bắt và đánh giá đúng thực trạng chung về việc triển khai giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xây dựng phiếu hỏi và triển khai phiếu đến 300 đại diện sinh viên các năm học thuộc các cơ sở giáo dục đại

học thành viên ĐHĐN, kết quả khảo sát có thể có thêm bức tranh về tình hình giảng dạy tiếng Anh ở ĐHĐN qua góc nhìn của sinh viên

2.3.2. Thực trạng tình hình giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục thành viên ĐHĐN dưới góc nhìn của giáo viên

2.4 Thực trạng về năng lực ngoại ngữ của sinh viên không chuyên ngữ thông qua kết quả các kỳ thi chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ

Thống kê kết quả thi năng lực ngoại ngữ theo định dạng VSTEP cho SV không chuyên ngữ năm 2017 và 2018

TT	Thời gian	Trường	Tổng số TS đăng ký	Thí sinh dự thi	TS vắng môn thành phần	Trình độ C1	Trình độ B2	Trình độ B1	Khô ng đạt	Tỷ lệ
1	15/01/17	ĐHNH	44	36	8	3	20	13		
		ĐHBK	76	51	6		1	16	28	33,3%
		ĐHSP	1049	999	17		35	559	388	59,5%
	Tổng		1169	1086	31	3	56	588	416	
2	05/03/17	ĐHNH	60	47	1		25	21		
		ĐHBK	37	34			3	30	1	97,1%
		ĐHSP	612	598	10		26	376	186	67,2%
		ĐHKT	35	18	1		4	5	8	50,0%
		K. Y Dược	23	22	5		1	16		77,3%
	Tổng		767	638	16	0	31	397	194	
3	07/05/17	ĐHSP	535	521	9		12	274	226	54,9%
4	21/05/17	ĐHNH	42	33		1	15	15	2	
		ĐHBK	247	205	16		13	123	53	66,3%
		ĐHSP	17	17	1			4	12	23,5%

		ĐHKT	46	43			10	24	9	79,1%
		K. Y Dược	18	18				13	5	72,2%
	Tổng		370	316	17	1	38	179	81	
5	27/08/17	ĐHNN	29	26			6	20		
		ĐHBK	436	403	28	0	11	228	136	59,3%
		ĐHSP	524	507	10		12	199	286	41,6%
		K. Y Dược	5	4				4		10,0%
	Tổng		994	940	38	0	29	451	422	
6	08/10/17	ĐHNN	123	113			38	65	10	
		ĐHBK	503	480	10		27	271	172	62,1%
		ĐHSP	491	473	1		23	249	200	57,5%
		ĐHKT	254	246			20	166	60	75,6%
		K. Y Dược	49	47			2	34	11	76,6%
	Tổng		1420	1359	11	0	110	785	453	
7	03/12/17	ĐHNN	86	81	1	3	27	50	1	
		ĐHBK	526	483	13		20	347	103	76,0%
		ĐHSP	483	461	4		13	232	212	53,1%
		ĐHKT	453	436	3		51	291	91	78,4%
		K. Y Dược	12	12			0	12	0	10,0%
	Tổng		1560	1473	21	3	111	932	407	
	Tổng cộng 2017		6815	6333	143	7	387	3606	2199	

8	22/04/18	ĐHNN	141	111			32	77	2	
		ĐHBK	763	722	22		45	454	201	69,1%
		ĐHSP	505	488	10		30	282	166	63,9%
		ĐHKT	547	519	3		126	337	53	89,2%
		K. Y Dược	6	6			1	4	1	83,3%
	Tổng		1962	1846	35	0	234	1154	423	
9	12/05/18	ĐHSP	151	114	5		6	56	47	54,4%
		ĐHKT	399	188	7	1	41	109	30	80,3%
	Tổng		550	302	12	1	47	165	77	
10	03/06/18	ĐHNN	86	77	2	2	34	38	1	
		ĐHBK	526	471	21		15	292	143	65,2%
		ĐHSP	182	159	11		7	85	56	57,9%
		ĐHKT	74	47	1		6	31	9	78,7%
		K. Y Dược	1	1				1		100,0%
	Tổng		869	755	35	2	62	447	209	
11	26/08/18	ĐHNN	61	54	1		20	32	1	
		ĐHBK	597	550	29		55	347	119	73,1%
		ĐHSP	390	374	5		23	228	118	67,1%
		ĐHKT	166	152	0		10	120	22	85,5%
		K. Y Dược	4	4				1	3	25,0%
	Tổng		1218	1134	35	0	108	728	263	
11	26/08/18	ĐHNN	188							
		ĐHBK	663							

		ĐHSP	702									
		ĐHKT	319									
		K. Y Dược	41									
	Tổng		1913	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng 2018		6512	4037	117	3	451	2494	972			

Trường	15/01/17	05/03/17	07/05/17	21/05/17	27/08/17	08/10/17	03/12/17	22/04/18	12/05/18	03/06/18	26/08/18	Tổng
ĐHBK	33, 3%	97, 1%		66, 3%	59, 3%	62, 1%	76, 0%	69, 1%		65, 2%	73, 1%	68%
ĐHKT		50, 0%		79, 1%		75, 6%	78, 4%	89, 2%	80, 3%	78, 7%	85, 5%	58%
ĐHSP	59, 5%	67, 2%	54, 9%	23, 5%	41, 6%	57, 5%	53, 1%	63, 9%	54, 4%	57, 9%	67, 1%	64%
K.Y Dược	77, 3%			72, 2%	100 %	76, 6%	100 %	83, 3%				78%

Qua số liệu ở trên cho thấy trong năm vừa qua, có khoảng 4037 sinh viên đăng ký dự thi các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

2.4. Đánh giá thực trạng trên cơ sở các yếu tố khách quan liên quan đến giảng dạy tiếng Anh

2.5. Tình hình tổ chức thực hiện các kỳ thi khảo sát năng lực tiếng Anh cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng

Ở các phần này, đề tài tập trung tìm hiểu việc tổ chức thi xếp lớp đầu vào, thi công nhận chuẩn đầu ra nhằm có cái nhìn bao quát về công tác giảng dạy, hiệu quả giảng dạy và công nhận chuẩn đầu ra cho sinh viên.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT HƯỚNG ĐI CHO CÔNG TÁC TRIỂN KHAI GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.1. Các điểm mạnh của Chương trình tiếng Anh triển khai tại các cơ sở giáo dục thành viên Đại học Đà Nẵng

Việc triển khai giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng được giao về một đầu mối là trường Đại học Ngoại ngữ phụ trách công tác chuyên môn giảng dạy. Điều này rất thuận lợi cho công tác nắm bắt, triển khai, giám sát và điều chỉnh hoạt động chuyên môn. Tuy nhiên, điểm bất cập là hiệu quả của một chương trình đào tạo cần có cả công tác điều phối hoạt động tổ chức quản lý đào tạo và quản lý chuyên môn.

Đại học Đà Nẵng luôn quan tâm kịp thời và sát sao các hoạt động đào tạo nói chung của các cơ sở giáo dục đại học thành viên, và các hoạt động giảng dạy tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ của sinh viên nói chung.

Đội ngũ giảng viên tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQĐN đông và có trình độ năng lực cao, kinh nghiệm giảng dạy tốt, đáp ứng các thay đổi nhanh chóng của khoa học giảng dạy ngoại ngữ trên thế giới và khu vực

Cơ sở vật chất của ĐHQĐN và các đơn vị thành viên đảm bảo tốt cho việc triển khai các hoạt động giảng dạy.

Trường Đại học Ngoại ngữ là một trong những cơ sở giáo dục đại học nòng cốt tham gia các hoạt động của Đề án Ngoại ngữ quốc gia, do vậy nắm bắt các điều chỉnh và chủ trương mới trong hoạt động học thuật, cũng như chính sách, từ đó kịp thời có tham mưu cho ĐHQĐN, đề xuất cho các cơ sở giáo dục đại học thành viên điều chỉnh.

3.2. Đề xuất hướng đi và mô hình

3.2.1. Cơ sở pháp lý

Chương trình Tiếng Anh tăng cường dành cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng được xây dựng dựa trên các cơ sở pháp lý của Chính phủ, Bộ giáo dục Đào tạo và Đại học Đà Nẵng dưới đây:

- (1) Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020”;
- (2) Đề án “Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống Giáo dục Quốc dân giai đoạn 2008-2020” (Gọi tắt là Đề Án Ngoại ngữ Quốc Gia - ĐANNQG 2020) của Chính phủ;
- (3) Kế hoạch triển khai Đề án Ngoại ngữ 2020 số 808/KH- BGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (4) Công văn số 7274/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo;
- (5) Công văn số 7916/ĐHĐN ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Đại học Đà Nẵng.
- (6) Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- (7) Quyết định 2080/QĐ-Ttg ngày 22/12/2017 về việc điều chỉnh bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025

3.2.2. Cơ sở khoa học

Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam (KNLNNVN)

KNLNNVN của Bộ Giáo Dục và Đào tạo được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng của Khung trình độ chung châu Âu (CEFR) và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. KNLNNVN được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ Bậc 1 đến Bậc 6 và tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR).

3.2.3. Các đề xuất chuyên môn

Ở phần này, báo cáo đưa ra các đề xuất cho công tác kiểm tra đầu vào, chương trình đào tạo, thời khóa biểu, phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ cho công tác giảng dạy nói chung.

KẾT LUẬN

Trong xu hướng hội nhập nhanh chóng hiện nay, việc đầu tư cho giáo dục nói chung, cho ngoại ngữ nói riêng là con đường nhanh chóng và hiệu quả nhất giúp các thế hệ trẻ của đất nước sớm tham gia cạnh tranh tốt với khu vực, góp phần nâng cao năng lực của đất nước.

Với xu hướng đó, Chính phủ đã có nhiều quyết sách đúng đắn trong những năm qua về nâng cao năng lực ngoại ngữ cho hệ thống giáo dục quốc dân, rõ nét nhất là sự ra đời của Quyết định 1400/QĐTg năm 2008 của Thủ tướng, phê duyệt Đề án NNQG 2020.

Cùng với những hoạt động học thuật và xây dựng chính sách, Đề án Ngoại ngữ trong những năm qua đã xây dựng được môi trường học tập và giảng dạy tích cực, công bố được khung năng lực ngoại ngữ của Việt nam và các định dạng đề thi khảo sát năng lực để các đơn vị triển khai thực hiện, dần nâng cao hiệu quả hoạt động khảo thí ngoại ngữ của hệ thống.

Song song với các hoạt động của hệ thống, những năm qua Đại học Đà Nẵng đã chỉ đạo các đơn vị thành viên bám sát và triển khai các mục tiêu lộ trình của Đề án NNQG 2020 để ra. Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng cần có những điều chỉnh trong giai đoạn mới nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả hoạt động dạy học ngoại ngữ ở ĐHĐN như sau:

Xây dựng chương trình thống nhất kết hợp có tính kế thừa xuyên suốt cho tất cả các đối tượng sinh viên đại trà trong tất cả các đơn vị. Tốt nhất là hướng đến cho tất cả sinh viên kể cả các hệ CLC..Chương trình được trải dài từ tiền A1 đến B2, dành cho tất cả các đối tượng.

Có hành lang pháp lý để vận dụng thực hiện trong các trường thành viên Đại học Đà Nẵng (văn bản chỉ đạo của ĐH ĐN làm cơ sở pháp lý cho các trường thực hiện và khẳng định đây là nhiệm vụ chính trị của mỗi giảng viên đối với chất lượng đào tạo của ĐH ĐN). Cơ chế giám sát, quản lý : Phòng Đào tạo trường Đại học Ngoại ngữ trực tiếp quản lý, điều phối giáo viên, huy động tổng lực nguồn giáo viên chất lượng và uy tín từ các Khoa, quản lý chặt chẽ giờ giấc giảng dạy của giáo viên, việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy của giáo viên.